

Số: 24 /GPMT - UBND

Dĩ An, ngày 14 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 3484/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc Ủy quyền phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định cấp/cấp đổi/điều chỉnh/cấp lại giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Dĩ An;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở của Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An tại Tờ trình số 551/TTr-PTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở tại số 6, đường số 9, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 6, đường số 9, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 9837087625 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 1996, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 06 tháng 10 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan mã số 3700229841 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 1996, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 07 tháng 08 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 3700229841

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất bao bì nhựa

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích cơ sở: 10.000 m²

- Dự án có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm II quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Công suất: 70.000.000 m²/năm (tương đương 6.500 tấn/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất: Màng nhựa nguyên liệu → In màng nhựa → Kiểm tra chất lượng in → Ghép đùn/Ghép khô/Ghép đùn, ghép khô và sấy → Kiểm tra chất lượng → Chia cuộn → Đóng gói → Thành phẩm.

→ Chia thành kích thước nhỏ → Đóng túi → Đục lỗ/dán tem/ép van → Kiểm tra chất lượng → Đóng gói → Thành phẩm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND thành phố Dĩ An.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 17 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở của Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan, địa chỉ tại Số 6, đường số 9, KCN Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- CT, PCT UBND Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Thành phố Dĩ An;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND phường Dĩ An;
- LĐVP, CVKT;
- Lưu: VT.

TM ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Trọng Tài

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24../GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh được thu gom đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 1, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải Khu công nghiệp Sóng Thần 1 theo các văn bản đã ký với Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Sóng Thần 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

a. Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn kích thước (dài × rộng × cao: 3m × 2,5m × 2m), sau đó được thu gom theo đường ống uPVC D114, về bể chứa nước thải sinh hoạt kích thước (3m x 1,6m x 2,0 m) sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà nghỉ chuyên gia với lưu lượng khoảng 0,4 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn kích thước (dài×rộng×cao: 3m×1,6m×2 m), sau đó được thu gom theo đường ống uPVC D114, về bể chứa nước thải sinh hoạt kích thước (3m x 1,6m x 2,0 m) sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất với lưu lượng khoảng 9 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn kích thước (dài × rộng × cao: 2m×6m×3,3 m), sau đó được thu gom theo đường ống uPVC D114 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh tại khu vực cổng bảo vệ với lưu lượng khoảng $0,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 3 ngăn kích thước (dài $\times$ rộng $\times$ cao: $3 \times 1,6 \times 2 \text{ m}$), sau đó được thu gom theo đường ống uPVC D114 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1.

Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt từ nguồn số 1 đến nguồn số 4 ($11,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$) sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Sóng Thần 1 tại 01 hố ga thu gom nước thải trên đường số 10. Tọa độ: X (m) = 1204793,9; Y (m) = 609222,8 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰)

b. Nước thải sản xuất

- Nguồn số 05: Nước thải từ 04 hệ thống xử lý khí thải hơi dung môi công đoạn in, ghép, tráng màng bao bì với lưu lượng khoảng $6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (thải bỏ 2 tháng/lần) được thu gom vào các phuy nhựa, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Nguồn số 06: Nước thải từ hệ thống làm mát máy tráng với lưu lượng khoảng $4,32 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (thải bỏ 1 năm/lần) được thu gom vào các phuy nhựa, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Nguồn số 07: Nước rửa tay của công nhân từ quá trình chiết rót và pha mực với lưu lượng khoảng $1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom vào các phuy nhựa, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

- Nguồn số 08: Dung môi thải từ quá trình rửa trục in máng mực với lưu lượng khoảng $0,1 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (thải bỏ 2 tháng/lần) được thu gom vào các phuy nhựa, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, xử lý theo quy định.

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất từ nguồn số 5 đến nguồn số 8 (tối đa $11,42 \text{ m}^3/\text{ngày}$) được thu gom vào phuy nhựa dung tích 2.000L sau đó được tập trung về khu vực lưu chứa chất thải nguy hại định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình:

+ Nguồn số 1, 2, 3, 4 $\rightarrow$ 04 Bể tự hoại (Tổng thể tích 75 m^3) $\rightarrow$ Tự chảy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu công nghiệp Sóng Thần 1.

+ Nguồn số 5, 6, 7, 8 $\rightarrow$ Thu gom chuyển giao định kỳ 02 tháng/lần hoặc khi đầy.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải. Cập nhật tình hình hoạt động vào sổ theo dõi hàng ngày.
- Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời tránh nước thải tràn ra ngoài.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.
- Trường hợp xảy ra sự cố, Chủ cơ sở phải tiến hành dừng hoạt động hoặc giảm công suất sản xuất; tiến hành rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành hệ thống để xác định nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục, cải tạo hoặc nâng cấp công trình xử lý; đồng thời báo cơ quan chức năng để phối hợp xử lý.
- Định kỳ hằng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước mưa nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

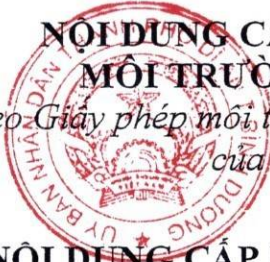
3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Sóng Thần 1.
- Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.
- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Sóng Thần 1 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư KCN Sóng Thần 1 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
- Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24.../GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy ghép A của xưởng A
- Nguồn số 2: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy ghép B của xưởng A
- Nguồn số 3: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy in A của xưởng A
- Nguồn số 4: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy in B của xưởng A
- Nguồn số 5: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy tráng của xưởng B
- Nguồn số 6: Khí thải, hơi dung môi phát sinh từ máy in C của xưởng D
- Nguồn số 7: Khí thải, hơi dung môi từ quá trình rửa máng mực và chiết rót pha

mực

- Nguồn số 8: Khí thải từ 01 máy phát điện dự phòng công suất 650 KVA

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (nguồn thải số 1, 2, 3): $X(m) = 1204751$; $Y(m) = 609338$
- Dòng khí thải số 02 (nguồn thải số 4, 5): $X(m) = 1204750$; $Y(m) = 609334$
- Dòng khí thải số 03 (nguồn thải số 6): $X(m) = 1204814$; $Y(m) = 609244$
- Dòng khí thải số 04 (nguồn thải số 6, 7): $X(m) = 1204817$; $Y(m) = 609248$
- Dòng khí thải số 05 (nguồn thải số 8): $X(m) = 1204764$; $Y(m) = 609343$

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $65.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $45.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $40.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $40.000 \text{ m}^3/\text{h}$.
- Dòng khí thải số 05: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $489,3 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: xả ra môi trường qua ống khói thải D1200mm, cao 13m, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động.

- Dòng khí thải số 2: xả ra môi trường qua ống khói thải D1000mm, cao 13m, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động
- Dòng khí thải số 3: xả ra môi trường qua ống khói thải D1000mm, cao 13m, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động
- Dòng khí thải số 4: xả ra môi trường qua ống khói thải D1000mm, cao 13m, xả liên tục 24/24 giờ trong thời gian Công ty hoạt động
- Dòng khí thải số 5: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, xả gián đoạn trong trường hợp có sự cố mất điện.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $k_p=1$, $k_v=1$; QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
- Đối với dòng khí thải số 1, 2, 3, 4					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần (Theo đề xuất của Công ty)	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Etylaxetat	mg/Nm ³	1.400		
4	Toluen	mg/Nm ³	750		
5	Methanol	mg/Nm ³	260		
6	n-Propyl acetate	mg/Nm ³	840		
- Đối với dòng khí thải số 5					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO ₂	mg/Nm ³	500		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 – 03: Khí thải, hơi dung môi từ máy ghép A, máy ghép B, máy in A được thu gom bằng đường ống thép tráng kẽm Ø1200 được thu gom về 01 HTXL khí thải AB1 (KT.03) để xử lý, sau đó xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải D = 1.200mm, H = 13m (dòng thải số 1).

- Nguồn số 04 – 05: Khí thải, hơi dung môi từ máy in B, máy tráng được thu gom bằng đường ống thép tráng kẽm Ø1000 được thu gom về 01 HTXL khí thải AB2 (KT.04) để xử lý, sau đó xả ra môi trường 01 ống thoát khí thải D = 1.000mm, H = 13m (dòng thải số 2)

- Nguồn số 06: Khí thải, hơi dung môi từ máy in C được thu gom bằng đường ống thép tráng kẽm Ø1000 được thu gom về 02 HTXL khí thải D3 và D4 (KT.01 và KT.02) để xử lý, sau đó xả ra môi trường 02 ống thoát khí thải D = 1.000mm, H = 13m (dòng thải số 03 – 04)

- Nguồn số 07: Khí thải, hơi dung môi từ quá trình rửa máng mực và chiết rót pha mực được thu gom bằng đường ống thép tráng kẽm Ø300mm - Ø1000mm được thu gom về 01 HTXL khí thải D4 (KT.02) để xử lý, sau đó xả ra môi trường 01 ống thoát khí thải D = 1.000mm, H = 13m (dòng thải số 04).

- Nguồn số 08: Khí thải từ máy phát điện dự phòng được xả trực tiếp ra môi trường thông qua 01 ống khói D114mm, H = 5m (dòng thải số 05)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Khí thải, hơi dung môi (nguồn số 01, 02, 03) → Hệ thống ống mềm → Ống thu gom (Ống thép tráng kẽm D800mm – 1.200mm) → Tháp hấp thụ (Ø2.200*4.100) → Tháp xử lý mùi (Ø2.200*2400) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (D=1.200, H = 13m).

+ Công suất thiết kế: công suất 65.000 m³/h

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (thay thế định kỳ 03 tháng/lần)

- Dòng khí thải số 2: Khí thải, hơi dung môi (nguồn số 04, 05) → Hệ thống ống mềm → Ống thu gom (Ống thép tráng kẽm D200mm – 1.000mm) → Tháp hấp thụ (Ø2.000*4.100) → Tháp xử lý mùi (Ø2.000*2.400) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (D=1.000, H = 13m).

+ Công suất thiết kế: công suất 45.000 m³/h

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (thay thế định kỳ 03 tháng/lần)

- Dòng khí thải số 3: Khí thải, hơi dung môi (nguồn số 06) → Hệ thống ống mềm → Ống thu gom (Ống thép tráng kẽm D1.000mm) → Tháp hấp thụ ($\varnothing 2.000 \times 4.100$) → Tháp xử lý mùi ($\varnothing 2.000 \times 2.400$) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (D=1.000, H = 13m).

+ Công suất thiết kế: công suất 40.000 m³/h

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (thay thế định kỳ 03 tháng/lần)

- Dòng khí thải số 4: Khí thải, hơi dung môi (nguồn số 06, 07) → Hệ thống ống mềm → Ống thu gom (Ống thép tráng kẽm D300mm - D1.000mm) → Tháp hấp thụ ($\varnothing 2.000 \times 4.100$) → Tháp xử lý mùi ($\varnothing 2.000 \times 2.400$) → Quạt hút → Ống thoát khí thải (D=1.000, H = 13m).

+ Công suất thiết kế: công suất 40.000 m³/h

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, than hoạt tính (thay thế định kỳ 03 tháng/lần)

- Dòng khí thải số 5 (nguồn số 8): Khí thải → Ống thải D114, cao 5m

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Rà soát, thực hiện đúng các nội dung trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được thẩm định.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp thụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Khi xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho đến khi khắc phục được sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí. Đồng thời, thông báo cơ quan có chức năng có liên quan các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ tháng 12/2024 đến tháng 02/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- + 01 hệ thống xử lý khí thải, hơi dung môi công suất thiết kế: 65.000 m³/ giờ
- + 01 hệ thống xử lý khí thải, hơi dung môi công suất thiết kế: 45.000 m³/ giờ
- + 01 hệ thống xử lý khí thải, hơi dung môi công suất thiết kế: 40.000 m³/ giờ
- + 01 hệ thống xử lý khí thải, hơi dung môi công suất thiết kế: 40.000 m³/ giờ

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của thiết bị xử lý bụi, khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 3 ngày liên tiếp

- Loại mẫu và vị trí lấy mẫu khí thải: mẫu đơn tại ống thải khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu khí thải phát tán vào môi trường không khí từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 5, 7 và 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị

định số 08/2022/NĐ-CP

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 241.. /GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực máy in xưởng A
- Nguồn số 2: Khu vực máy ghép xưởng A
- Nguồn số 3: Khu vực máy kiểm xưởng A
- Nguồn số 4: Khu vực máy tráng xưởng B
- Nguồn số 5: Khu vực máy đóng gói, máy cắt xưởng C
- Nguồn số 6: Khu vực máy in, máy đóng túi xưởng D
- Nguồn số 7: Khu vực máy nén khí
- Nguồn số 8: Khu vực hệ thống xử lý khí thải xưởng A, B
- Nguồn số 9: Khu vực hệ thống xử lý khí thải xưởng D
- Nguồn số 10: Khu vực máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tọa độ X (m) = 1204763; Y (m) = 609329
- Nguồn số 2: Tọa độ X (m) = 1204783; Y (m) = 609301
- Nguồn số 3: Tọa độ X (m) = 1204767; Y (m) = 609303
- Nguồn số 4: Tọa độ X (m) = 1204765; Y (m) = 609289
- Nguồn số 5: Tọa độ X (m) = 1204740; Y (m) = 609281
- Nguồn số 6: Tọa độ X (m) = 1204794; Y (m) = 609245
- Nguồn số 7: Tọa độ X (m) = 1204811; Y (m) = 609270
- Nguồn số 8: Tọa độ X (m) = 1204751; Y (m) = 609337
- Nguồn số 9: Tọa độ X (m) = 1204806; Y (m) = 609241
- Nguồn số 10: Tọa độ X (m) = 1204764; Y (m) = 609343

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

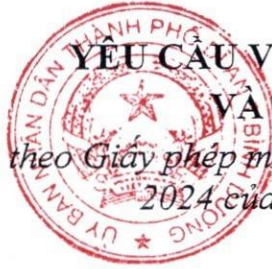
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy và các thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4


**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24./GPMT-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI
1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	71.850
2	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	5.500
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	17 08 03	7.543
4	Mực in thải	08 02 01	2.900
5	Keo thải	08 03 01	33.000
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	200
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	25.415
8	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	110
9	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	10
10	Acquy, bình điện thải	19 06 01	50
11	Than hoạt tính thải	12 01 04	3.120
12	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải, nước từ hệ thống làm mát máy tráng, nước rửa tay công nhân từ quá trình chiết rót và pha mực.	12 01 02	352,7
TỔNG KHỐI LƯỢNG			149.698

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Số lượng (tấn/năm)
1	Màng nhựa các loại	872,95
2	Màng nhôm	2,75
3	Giấy vụn	118
4	Nhựa PE/PP	75,25
5	Pallet gỗ	84,94
6	Thùng gỗ lớn	4,93
7	Ván đầu cuộn (nhỏ, vừa, lớn)	4,22
8	Bao bì mềm	8,6
TỔNG KHỐI LƯỢNG		1.171,64

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân viên, khối lượng 53 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản CTNH, với thể tích mỗi thùng là 120 lít và thùng dung tích 2.000 lít bên ngoài thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 80 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Khu vực lưu chứa CTNH có tường bao, mái che bằng tole, nền tráng xi măng, có rãnh chống tràn và hố thu, có biển cảnh báo nguy hại theo quy định, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 06 thùng chứa loại 240 lít/thùng có dán nhãn.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: có 02 kho lưu chứa với diện tích 29,61 m² và 38,43 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu có mái che, tường bao xung quanh cao 2,5m nền bê tông, tường và mái bằng tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng nhựa có nắp đậy có dung tích 120 lít bố trí xung quanh khu vực xưởng sản xuất: 03 thùng; Thùng 4 lít ở khu vực văn phòng: 03 thùng; Thùng 60 lít ở khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 04 thùng; Thùng 1.100 lít ở khu vực tập trung rác: 03 thùng.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực: 15 m²

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đảm bảo, chất thải phát sinh được thu gom, chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định hiện hành.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

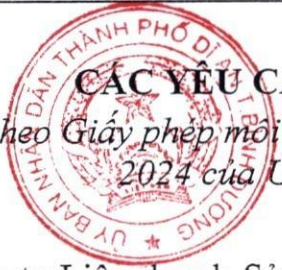
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 24.../GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An)



1. Công ty Liên doanh Sản xuất bao bì Tong Yuan có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.